

THỰC TRẠNG RỦI RO PHÁP LÝ TRONG HOẠT ĐỘNG THỂ DỤC THỂ THAO Ở VIỆT NAM

Nguyễn Văn Phúc⁽¹⁾

Tóm tắt:

Sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học thường quy lựa chọn được 8 tiêu chí đánh giá rủi ro pháp lý trong hoạt động TDTT tại Việt Nam. Tiến hành khảo sát thực trạng rủi ro pháp lý tại Việt Nam trên cơ sở khảo sát 571 người thuộc 08 nhóm đối tượng tham gia hoạt động TDTT. Kết quả cho thấy: Thực trạng rủi ro pháp lý trong hoạt động TDTT tại Việt Nam chủ yếu được đánh giá ở nhóm 2 và nhóm 3, nhóm 1 chiếm tỷ lệ rất thấp.

Từ khóa: Thực trạng, rủi ro pháp lý, hoạt động TDTT.

Current status of legal risks in sport activities in Vietnam

Summary:

Using conventional scientific research methods, 8 criteria for assessing legal risks in sport activities in Vietnam were selected. Conduct a survey of legal risks in Vietnam based on a survey of 571 people from 08 groups of participants in sport activities. The results show that: The legal risk situation in sports activities in Vietnam is mainly assessed in groups 2 and 3, group 1 accounts for a very low rate.

Keywords: Current status, legal risks, sports activities.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Thể dục thể thao (TDTT) là một ngành mang tính tổng hợp và là loại hình kinh tế đặc biệt. TDTT Việt Nam bao gồm TDTT cho mọi người và Thể thao thành tích cao. Trong mỗi hoạt động TDTT, ngoài các tác dụng tích cực mang lại cho người tập, người chơi, người hưởng thụ các sản phẩm TDTT, các hoạt động TDTT nói riêng và bất cứ hoạt động nào nói chung đều tiềm ẩn những rủi ro nhất định. Khi xem xét về rủi ro trong hoạt động TDTT cần đặt TDTT trong tổng hòa các mối quan hệ với liên ngành, có quan hệ mật thiết với ngành Giáo dục & Đào tạo; Y tế - chăm sóc sức khỏe và hồi phục; du lịch, truyền thông, quốc phòng, kinh tế...; có tính chất xã hội cao, thu hút đông đảo các tầng lớp xã hội tham gia nên chịu ảnh hưởng của nhiều nhóm yếu tố, trong đó không thể không kể tới rủi ro pháp lý trong hoạt động TDTT.

Khi nhắc tới rủi ro pháp lý chúng ta có thể hiểu đây là các rủi ro do sự thay đổi trong luật pháp hay các quy định mới gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình trạng hoạt động TDTT

nào đó. Đây là vấn đề ảnh hưởng lớn tới cả quá trình hoạt động TDTT cũng như định hướng phát triển TDTT, tuy nhiên, tại Việt Nam, đánh giá thực trạng rủi ro pháp lý trong lĩnh vực TDTT chưa được quan tâm đúng mức. Chính vì vậy, việc lựa chọn các tiêu chí đánh giá và đánh giá thực trạng rủi ro pháp lý trong hoạt động TDTT ở Việt Nam là vấn đề cần thiết và cấp thiết.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Quá trình nghiên cứu sử dụng các phương pháp sau: Phân tích và tổng hợp tài liệu, quan sát sư phạm, phương pháp phỏng vấn, phương pháp thống kê.

Khảo sát được tiến hành trên 571 người thuộc 08 nhóm đối tượng tham gia hoạt động TDTT gồm:

Vận động viên (VĐV) thể thao (chuyên nghiệp, bán chuyên nghiệp, nghiệp dư): Phóng vấn các VĐV thể thao chuyên nghiệp thuộc các trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TDTT, các trường năng khiếu thể thao; các VĐV bán chuyên nghiệp, nghiệp dư...

⁽¹⁾PGS.TS, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh; Email: nguyenvanphuchn@gmail.com

Câu lạc bộ, dịch vụ tập luyện TDDT: phỏng vấn các cán bộ quản lý, người trực tiếp hoạt động khai thác tại các câu lạc bộ thể thao, các trung tâm, đơn vị kinh doanh dịch vụ thể thao;

Đơn vị tổ chức sự kiện TDDT: phỏng vấn cán bộ quản lý, những cán bộ trực tiếp làm việc tại các đơn vị tổ chức sự kiện TDDT;

Tổ chức quản lý nhà nước về TDDT: phỏng vấn cán bộ quản lý, cán bộ công tác là trưởng các đơn vị chuyên môn thuộc các tổ chức quản lý nhà nước về TDDT;

Các đơn vị nghiên cứu, giảng dạy về TDDT: phỏng vấn trưởng các đơn vị, trưởng các phòng, ban chuyên môn của các Viện nghiên cứu khoa học TDDT, các trường đại học TDDT, trường năng khiếu TDDT...

Bệnh viện thể thao: phỏng vấn cán bộ quản lý và cán bộ chuyên môn tại các bệnh viện thể thao.

Trung tâm huấn luyện TDDT: phỏng vấn các cán bộ quản lý và các huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện tại các trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TDDT cấp quốc gia và các tỉnh thành;

Liên đoàn, hiệp hội thể thao: phỏng vấn các bộ quản lý và các cán bộ chuyên môn phụ trách các liên đoàn, hiệp hội thể thao.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Lựa chọn tiêu chí đánh giá rủi ro pháp lý trong hoạt động TDDT ở Việt Nam

Trong quá trình nghiên cứu, tiêu chí đánh giá rủi ro được chúng tôi xác định theo một số chỉ số rủi ro hoặc tổ hợp các chỉ số rủi ro tạo ra công cụ xác định và đánh giá mức độ rủi ro.

Trên cơ sở quan điểm tiếp cận trên, việc lựa chọn tiêu chí đánh giá rủi ro pháp lý trong hoạt động TDDT tại Việt Nam được tiến hành thông qua tham khảo tài liệu, phỏng vấn trực tiếp các chuyên gia về các lĩnh vực rủi ro.

Để xác định được các tiêu chí phù hợp nhất khi đánh giá rủi ro pháp lý trong hoạt động TDDT tại Việt Nam, chúng tôi tiến hành phỏng vấn bằng phiếu hỏi tới 26 chuyên gia trong lĩnh vực TDDT, đặc biệt là các chuyên gia về quản lý TDDT. Kết quả phỏng vấn được trình bày tại bảng 1.

Bảng 1. Kết quả phỏng vấn lựa chọn tiêu chí đánh giá rủi ro pháp lý trong hoạt động TDDT tại Việt Nam (n=26)

Mã	Tiêu chí	Kết quả		
		Tổng điểm	Điểm TB	Xếp loại
TC1.1	Tranh chấp của các thành viên trong tổ chức	111	4.27	Rất cần thiết
TC1.2	Do kiện tụng các vấn đề có liên quan	112	4.31	Rất cần thiết
TC1.3	Do tranh chấp hợp đồng	94	3.62	Cần thiết
TC1.4	Do tranh chấp ngoài hợp đồng	62	2.38	Trung bình
TC1.5	Thay đổi với điều khoản sử dụng các nội dung có liên quan	101	3.88	Cần thiết
TC1.6	Do vi phạm pháp luật và các quy định khác	100	3.85	Cần thiết
TC1.7	Thay đổi về các điều luật quy định	118	4.54	Rất cần thiết
TC1.8	Do nghĩa vụ thuế	113	4.35	Rất cần thiết
TC1.9	Do vi phạm hành chính	117	4.5	Rất cần thiết

Qua bảng 1 cho thấy: Theo nguyên tắc phỏng vấn đặt ra, chúng tôi lựa chọn được 08 tiêu chí có điểm phỏng vấn trung bình từ 3.41 điểm trở lên để đánh giá rủi ro pháp lý trong hoạt động TDDT tại Việt Nam. Cụ thể gồm: TC1.1, TC1.2, TC1.3, TC1.5, TC1.6, TC1.7, TC1.8, TC1.9. Đây sẽ là những tiêu chí được chúng tôi sử dụng

trong quá trình đánh giá thực trạng rủi ro pháp lý trong hoạt động TDDT tại Việt Nam.

2. Thực trạng rủi ro pháp lý trong hoạt động TDDT tại Việt Nam

Tiến hành thống kê thực trạng rủi ro về pháp lý trong hoạt động TDDT thông qua 8 tiêu chí đánh giá đã được lựa chọn và trên 8 nhóm đối

tượng đánh giá: VĐV thể thao; Câu lạc bộ, dịch vụ tập luyện TDTT; Đơn vị tổ chức sự kiện TDTT; Tổ chức quản lý Nhà nước về TDTT; Các đơn vị nghiên cứu, giảng dạy về TDTT; Bệnh viện thể thao; Trung tâm huấn luyện

TDTT; Liên đoàn, hiệp hội thể thao.

Việc đánh giá và xếp loại rủi ro được tiến hành theo tần suất xảy ra rủi ro và mức độ nghiêm trọng của rủi ro. Chi tiết phân nhóm được trình bày tại bảng 2.

Bảng 2. Bảng ma trận đánh giá rủi ro trong hoạt động TDTT tại Việt Nam

Tần suất	Mức độ	Rất nghiêm trọng (A)	Nghiêm trọng (B)	Nặng (C)	Nhẹ (D)	Không đáng kể (E)
Thường xuyên xảy ra (5)		5A	5B	5C	5D	5E
Nhiều khả năng xảy ra (4)		4A	4B	4C	4D	4E
Có khả năng xảy ra (3)		3A	3B	3C	3D	3E
Ít khả năng xảy ra (2)		2A	2B	2C	2D	2E
Hiếm khi xảy ra (1)		1A	1B	1C	1D	1E

Việc đánh giá rủi ro được phân thành 3 nhóm:

Nhóm 1 (N1). Nhóm rủi ro thường xuyên xảy ra và có mức độ ảnh hưởng lớn, cần có biện pháp quản trị ngay để giảm thiểu khả năng xảy ra rủi ro hoặc giảm thiểu hậu quả rủi ro có thể xảy ra.

Nhóm 2 (N2). Thường xuyên xảy ra và có mức ảnh hưởng vừa phải hoặc có mức ảnh

hưởng lớn nhưng không thường xuyên xảy ra. Cần có các biện pháp dự phòng phù hợp.

Nhóm 3 (N3). Không thường xuyên xảy ra và mức độ ảnh hưởng không lớn. Nhóm này cần theo dõi để cân đối và quyết định kiểm soát hay chấp nhận rủi ro.

Kết quả đánh giá được trình bày tại bảng 3.

Bảng 3. Thực trạng rủi ro pháp lý trong hoạt động TDTT tại Việt Nam

Tiêu chí đánh giá	Đối tượng đánh giá	Tần suất xảy ra		Mức độ ảnh hưởng		Mức ưu tiên quản trị
		$\bar{x}$	δ	$\bar{x}$	δ	
Tranh chấp của các thành viên trong tổ chức	Vận động viên thể thao	1.57	0.12	2.23	0.2	N3
	Câu lạc bộ, dịch vụ tập luyện TDTT	3.26	0.29	2.26	0.21	N3
	Đơn vị tổ chức sự kiện TDTT	2.23	0.19	2.18	0.19	N3
	Tổ chức quản lý Nhà nước về TDTT	2.07	0.18	2.21	0.22	N3
	Các đơn vị nghiên cứu, giảng dạy về TDTT	1.25	0.11	1.96	0.16	N3
	Bệnh viện thể thao	2.08	0.17	2.23	0.18	N3
	Trung tâm huấn luyện TDTT	2.21	0.2	2.47	0.23	N3
	Liên đoàn, hiệp hội thể thao	2.36	0.21	2.51	0.21	N3
Do kiện tụng các vấn đề có liên quan	Vận động viên thể thao	2.45	0.21	2.36	0.22	N3
	Câu lạc bộ, dịch vụ tập luyện TDTT	3.27	0.29	3.23	0.29	N2
	Đơn vị tổ chức sự kiện TDTT	2.64	0.24	2.59	0.2	N2
	Tổ chức quản lý Nhà nước về TDTT	2.06	0.18	2.05	0.18	N3
	Các đơn vị nghiên cứu, giảng dạy về TDTT	1.95	0.15	3.21	0.28	N3
	Bệnh viện thể thao	2.08	0.19	3.26	0.31	N3
	Trung tâm huấn luyện TDTT	2.51	0.22	2.34	0.22	N3
	Liên đoàn, hiệp hội thể thao	2.23	0.2	2.36	0.21	N3

BÀI BÁO KHOA HỌC

Tiêu chí đánh giá	Đối tượng đánh giá	Tần suất xảy ra		Mức độ ảnh hưởng		Mức ưu tiên quản trị
		$\bar{x}$	δ	$\bar{x}$	δ	
Do tranh chấp hợp đồng	Vận động viên thể thao	2.26	0.21	3.21	0.31	N3
	Câu lạc bộ, dịch vụ tập luyện TDTT	3.65	0.33	3.05	0.28	N2
	Đơn vị tổ chức sự kiện TDTT	3.08	0.3	3.12	0.29	N2
	Tổ chức quản lý Nhà nước về TDTT	2.11	0.19	3.27	0.3	N3
	Các đơn vị nghiên cứu, giảng dạy về TDTT	2.13	0.18	3.23	0.27	N3
	Bệnh viện thể thao	2.09	0.16	3.45	0.34	N3
	Trung tâm huấn luyện TDTT	3.25	0.32	3.38	0.31	N2
	Liên đoàn, hiệp hội thể thao	2.56	0.24	3.07	0.29	N3
Thay đổi khoản sử dụng dịch vụ có liên quan	Vận động viên thể thao	3.15	0.31	2.16	0.19	N3
	Câu lạc bộ, dịch vụ tập luyện TDTT	2.67	0.24	3.23	0.3	N3
	Đơn vị tổ chức sự kiện TDTT	3.12	0.29	3.21	0.31	N2
	Tổ chức quản lý Nhà nước về TDTT	2.17	0.2	2.19	0.18	N3
	Các đơn vị nghiên cứu, giảng dạy về TDTT	2.15	0.21	2.12	0.2	N3
	Bệnh viện thể thao	1.95	0.16	2.07	0.17	N3
	Trung tâm huấn luyện TDTT	3.01	0.28	3.23	0.32	N2
	Liên đoàn, hiệp hội thể thao	2.13	0.2	2.16	0.18	N2
Do vi phạm pháp luật và các quy định khác	Vận động viên thể thao	3.35	0.31	3.46	0.33	N2
	Câu lạc bộ, dịch vụ tập luyện TDTT	3.25	0.32	3.32	0.29	N2
	Đơn vị tổ chức sự kiện TDTT	3.19	0.29	3.07	0.3	N2
	Tổ chức quản lý Nhà nước về TDTT	1.96	0.17	1.38	0.11	N3
	Các đơn vị nghiên cứu, giảng dạy về TDTT	1.57	0.13	2.02	0.17	N3
	Bệnh viện thể thao	1.63	0.14	2.11	0.15	N3
	Trung tâm huấn luyện TDTT	2.87	0.26	2.69	0.24	N3
	Liên đoàn, hiệp hội thể thao	2.56	0.23	2.5	0.21	N3
Thay đổi về các điều luật quy định	Vận động viên thể thao	3.37	0.31	3.32	0.33	N2
	Câu lạc bộ, dịch vụ tập luyện TDTT	2.63	0.25	2.98	0.26	N3
	Đơn vị tổ chức sự kiện TDTT	2.11	0.18	2.16	0.21	N3
	Tổ chức quản lý Nhà nước về TDTT	2.18	0.19	2.25	0.2	N3
	Các đơn vị nghiên cứu, giảng dạy về TDTT	1.96	0.17	2.07	0.19	N3
	Bệnh viện thể thao	2.03	0.19	2.19	0.18	
	Trung tâm huấn luyện TDTT	3.11	0.3	3.02	0.22	N2
	Liên đoàn, hiệp hội thể thao	2.19	0.21	2.26	0.16	N3
Nghĩa vụ thuế	Vận động viên thể thao	2.35	0.22	3.01	0.3	N3
	Câu lạc bộ, dịch vụ tập luyện TDTT	3.67	0.34	3.35	0.32	N2
	Đơn vị tổ chức sự kiện TDTT	3.38	0.31	3.27	0.31	N2
	Tổ chức quản lý Nhà nước về TDTT	3.32	0.33	3.19	0.29	N2
	Các đơn vị nghiên cứu, giảng dạy về TDTT	2.06	0.19	2.26	0.19	N3
	Bệnh viện thể thao	3.01	0.28	3.23	0.28	N2
	Trung tâm huấn luyện TDTT	3.33	0.3	3.41	0.3	N2
	Liên đoàn, hiệp hội thể thao	3.21	0.31	3.29	0.31	N2
Vi phạm hành chính	Vận động viên thể thao	3.36	0.31	2.16	0.21	N3
	Câu lạc bộ, dịch vụ tập luyện TDTT	3.35	0.29	2.13	0.22	N3
	Đơn vị tổ chức sự kiện TDTT	3.41	0.28	2.28	0.19	N3
	Tổ chức quản lý Nhà nước về TDTT	3.23	0.32	2.35	0.18	N3
	Các đơn vị nghiên cứu, giảng dạy về TDTT	3.21	0.3	2.37	0.2	N3
	Bệnh viện thể thao	3.15	0.31	2.41	0.21	N3
	Trung tâm huấn luyện TDTT	3.39	0.33	2.22	0.2	N3
	Liên đoàn, hiệp hội thể thao	3.33	0.25	2.28	0.19	N3

Qua bảng 3 cho thấy: Thực trạng rủi ro pháp lý trong hoạt động TDDT tại Việt Nam chủ yếu được đánh giá ở nhóm 2 và nhóm 3. Trong 8 tiêu chí đánh giá được tiến hành trên 8 nhóm đối tượng chỉ có 19/64 mục đánh giá ở nhóm 2, chiếm 29.69% tổng số mục đánh giá. Các tiêu chí đánh giá thực trạng mức ưu tiên quản trị rủi ro ở nhóm 2 gồm:

Tiêu chí rủi ro do kiện tụng và các vấn đề có liên quan có 2 đối tượng đánh giá thực trạng mức ưu tiên quản trị ở nhóm 2 gồm các Câu lạc bộ, dịch vụ tập luyện TDDT và Đơn vị tổ chức sự kiện TDDT. Đây là các đơn vị hoạt động liên quan tới nhiều nhóm đối tượng thành viên và thực hiện hợp đồng với nhiều nội dung khác nhau nên việc xảy ra tranh chấp là có khả năng cao.

Ở tiêu chí rủi ro do tranh chấp hợp đồng có 3 nhóm đối tượng đánh giá thực trạng mức ưu tiên quản trị rủi ro ở nhóm 2 gồm: Câu lạc bộ, dịch vụ tập luyện TDDT; Đơn vị tổ chức sự kiện TDDT và các trung tâm huấn luyện TDDT. Đây là những đơn vị có rất nhiều hợp đồng với các đối tượng khác nhau và kiểm soát rủi ro do tranh chấp hợp đồng là vấn đề cần thiết. Theo ý kiến của các chuyên gia, 3 đối tượng này cần đặc biệt chú ý quản trị rủi ro do tranh chấp hợp đồng.

Ở tiêu chí rủi ro do thay đổi điều khoản sử dụng dịch vụ có liên quan có 3 nhóm đối tượng đánh giá thực trạng rủi ro ở nhóm 2 gồm: Đơn vị tổ chức sự kiện TDDT; Trung tâm huấn luyện TDDT và Liên đoàn, hiệp hội thể thao. Đây cũng là những đơn vị sử dụng nhiều dịch vụ có liên quan và bị ảnh hưởng tương đối nhiều bởi sự thay đổi các điều khoản sử dụng dịch vụ có liên quan.

Ở tiêu chí rủi ro do vi phạm pháp luật và các quy định khác có 3 nhóm đối tượng đánh giá thực trạng mức ưu tiên quản trị rủi ro ở nhóm 2 gồm: Vận động viên thể thao; Câu lạc bộ, dịch vụ tập luyện TDDT và các đơn vị tổ chức sự kiện TDDT. Đây là các đơn vị bị ràng buộc bởi nhiều quy định, quy ước và có khả năng chịu rủi ro tương đối cao bởi những quy định, quy ước này.

Ở tiêu chí rủi ro do thay đổi về các điều luật quy định có 2 nhóm đánh giá thực trạng mức ưu tiên quản trị rủi ro ở nhóm 2 gồm: VĐV thể thao và trung tâm huấn luyện TDDT. Đây là các nhóm chịu ảnh hưởng nhiều bởi các điều lệ, quy định, đặc biệt là các điều luật của các môn thể

thao và các điều luật này thường xuyên có sự điều chỉnh, điều chỉnh cho phù hợp với từng giải đấu, cấp độ cũng như các điều luật thay đổi của thể giới. Chính vì vậy, nhóm này cần đặc biệt chú ý tới việc thay đổi các điều luật quy định.

Ở tiêu chí rủi ro do nghĩa vụ thuế, có tới 6/8 nhóm đối tượng đánh giá thực trạng mức ưu tiên quản trị rủi ro ở nhóm 2 gồm: Câu lạc bộ, dịch vụ tập luyện TDDT; Đơn vị tổ chức sự kiện TDDT; Tổ chức quản lý Nhà nước về TDDT; Bệnh viện thể thao; Trung tâm huấn luyện TDDT và Liên đoàn, hiệp hội thể thao. Đây cũng là nhóm có đánh giá thực trạng mức ưu tiên quản trị rủi ro ở nhóm 2 nhiều nhất trong tất cả các tiêu chí đánh giá và trên thực tế, đây cũng là tiêu chí có nhiều khả năng xảy ra và mức độ ảnh hưởng nặng.

Ở tiêu chí vi phạm hành chính và tranh chấp của các thành viên trong tổ chức là 2 tiêu chí có tất cả các đối tượng đánh giá mức độ ưu tiên quản trị rủi ro ở nhóm 3, tương đương tần suất xảy ra ít hoặc mức độ ảnh hưởng không nhiều.

Các tiêu chí còn lại đều được các nhóm đối tượng đánh giá thực trạng mức ưu tiên quản trị ở nhóm 3, nhóm không thường xuyên xảy ra và mức độ ảnh hưởng không lớn. Nhóm này cần theo dõi để cân đối và quyết định kiểm soát hay chấp nhận rủi ro.

Kết quả đánh giá thực trạng các tiêu chí đánh giá rủi ro pháp lý trong hoạt động TDDT ở mỗi tiêu chí khác nhau đều rất khác nhau. Có tiêu chí có sự đánh giá tương đồng giữa các nhóm đối tượng về tần suất xảy ra và mức độ ảnh hưởng nhưng cũng có những tiêu chí có sự phân tán kết quả đánh giá cả trong từng nhóm đối tượng đánh giá và trong từng nội dung đánh giá (tần suất ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng), nhưng nhìn chung tất cả các tiêu chí đánh giá trên các nhóm đối tượng đều xếp ở nhóm 2 và nhóm 3, trong đó đa số là nhóm 3.

Trong thực tế hoạt động TDDT tại Việt Nam, các rủi ro pháp lý cũng rất thường gặp trong thực tế nhưng không quá nặng nề. Có thể kể tới những hành vi vi phạm pháp luật về thể dục, thể thao đều có biện pháp, chế tài xử lý từ nhẹ đến nặng tùy theo mức độ vi phạm. Việc áp dụng các chế tài xử phạt các hành vi vi phạm pháp luật về thể dục, thể thao được thống nhất áp dụng theo

quy định của pháp luật hình sự, hành chính, dân sự, pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính, pháp luật về lao động, pháp luật về cán bộ, công chức và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Ví dụ, hành vi sử dụng đất dành cho TDTT đem cho người khác thuê để kinh doanh dịch vụ hàng hoá khác lấy tiền “chia nhau nâng cao đời sống” cho một số cá nhân được giao quản lý sử dụng đất cho TDTT là hành vi sử dụng đất không đúng mục đích thì không những bị xử lý theo quy định của Luật đất đai, Luật Thể dục, thể thao như bị xử phạt vi phạm hành chính, buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra, thu hồi đất trả lại cho hoạt động TDTT. Nếu hành vi đó gây hậu quả nghiêm trọng được cơ quan điều tra kết luận là phạm tội thì sẽ bị xử lý theo luật hình sự, luật phòng chống tham nhũng, luật cán bộ công chức... Tổ chức, cá nhân nào có các hành vi bị nghiêm cấm nêu trên dù cố ý hay vô ý cũng đều bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành. Có thể kể tới vụ lùm xùm của Khu liên hợp thể thao quốc gia Mỹ Đình hiện nay. Theo kết luận thanh tra, còn có nhiều sai phạm trong việc tự ý cho thuê đất hoặc cho thuê đất trong giai đoạn 2009 - 2018 nhưng tiền lại để ngoài sổ sách dẫn đến thất thoát 777 tỉ đồng... vì cơ quan này đã không trả tiền thuế trong nhiều năm qua nên số nợ xấu ngày một tăng. Đây là vấn đề đã được Thanh tra Chính phủ vào cuộc và là ví dụ rõ ràng cho rủi ro pháp lý trong hoạt động điều hành, quản lý trong lĩnh vực TDTT. Xét về góc độ Nhà nước, đây còn là rủi ro thất thoát về tài chính trong lĩnh vực thuế...

Xử lý hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động TDTT được tiến hành theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực TDTT đối với những hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước về TDTT mà không phải là tội phạm, bao gồm: hành vi vi phạm quy định của pháp luật trong các hoạt động tuyển chọn, đào tạo VĐV; tổ chức thi đấu, biểu diễn thể thao; quản lý các đội tuyển thể thao; công tác y tế, cứu hộ, phục vụ tập luyện, thi đấu thể thao; quảng cáo và dịch vụ trong lĩnh vực TDTT.

Đối với những hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động TDTT nếu có dấu hiệu phạm tội

thì phải chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra để tiến hành các thủ tục tố tụng theo luật định. Kết luận điều tra là căn cứ để xử lý đối với những hành vi vi phạm pháp luật này.

Các hành vi vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội xảy ra khi tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính có liên quan.

KẾT LUẬN

Thực trạng rủi ro pháp lý trong hoạt động TDTT tại Việt Nam chủ yếu được đánh giá ở Nhóm 2 (N2) - Thường xuyên xảy ra và có mức ảnh hưởng vừa phải hoặc có mức ảnh hưởng lớn nhưng không thường xuyên xảy ra. Cần có các biện pháp dự phòng phù hợp và Nhóm 3 (N3) - Không thường xuyên xảy ra và mức độ ảnh hưởng không lớn. Nhóm này cần theo dõi để cân đối và quyết định kiểm soát hay chấp nhận rủi ro.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Đình Bẩm (2003), *Quản lý chuyên ngành Thể dục Thể thao, Tài liệu chuyên khảo dành cho hệ cao học và đại học TDTT*, Nxb TDTT, Hà Nội.
2. *Hệ thống quản lý rủi ro theo tiêu chuẩn ISO 31000 – Nội dung cơ bản và hướng dẫn áp dụng*, Nxb Hồng Đức, 2018.
3. Tiêu chuẩn Việt Nam TCVNISO31000: 2011, *Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 31000:2011 về Quản lý rủi ro – Nguyên tắc và hướng dẫn*.

(Bài nộp ngày 1/3/2023, phản biện ngày 23/3/2023, duyệt in ngày 20/4/2023)

LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN THỂ DỤC THỂ THAO

4. Trương Quốc Uyên

Cuộc vận động toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại góp phần tích cực nâng cao chất lượng dân số Việt Nam

6. Trương Anh Tuấn

Một số suy nghĩ về đào tạo nguồn nhân lực thể dục thể thao

11. Nhật Minh

Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh tập trung nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 – 2030

BÀI BÁO KHOA HỌC

13. Nguyễn Văn Phúc

Thực trạng rủi ro pháp lý trong hoạt động Thể dục thể thao ở Việt Nam

19. Bùi Việt Hà

Kinh nghiệm huy động nguồn tài chính của các câu lạc bộ Bóng đá chuyên nghiệp trên thế giới và bài học đối với Bóng đá chuyên nghiệp Việt Nam

23. Nguyễn Bá Hòa

Lựa chọn giải pháp ứng dụng thể dục thể thao thích ứng cho người khuyết tật ở thành phố Hà Nội

26. Đào Thị Phương Chi

Hiệu quả mô hình giáo dục thể chất theo nhu cầu người học tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

31. Trần Văn Tùng

Thực trạng công tác thể dục thể thao ngoại khóa của sinh viên Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

37. Bounnuang Kamphengthong

Thực trạng nhu cầu, động cơ, lý do không tích cực tham gia các hoạt động thể thao của học sinh trung học phổ thông ở Thủ đô Viêng Chăn - Lào

41. Ngô Mạnh Cường

Biện pháp nâng cao hiệu quả dạy và học môn Giáo dục thể chất cho sinh viên Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông – Đại học Thái Nguyên

46. Nguyễn Hải Tùng

Đánh giá thực trạng thể lực chung của nam sinh viên Trường Đại học luật Hà Nội

49. Hoàng Sỹ Trung

Thực trạng mức độ hứng thú học tập các học phần kiến thức bổ trợ trong chương trình đào tạo sinh viên ngành Giáo dục thể chất, Trường Đại học Hồng Đức

52. Mai Thị Bích Ngọc; Nguyễn Thị Thu Hiền; Lê Đức Anh

Xác định tiêu chí đánh giá kỹ năng mềm cho sinh viên Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

57. Phạm Thế Vượng; Nguyễn Tất Tuấn

Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng dạy học trực tuyến cho sinh viên chuyên ngành Bóng chuyền, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

63. Nguyễn Thị Hà; Đào Thị Hoa Quỳnh

Thực trạng động cơ học tập Thể dục thể thao của sinh viên Đại học Thái Nguyên

66. Nguyễn Thị Thảo Mai, Nguyễn Đình Chung

Thực trạng huấn luyện sức mạnh tốc độ cho nam vận động viên Cầu lông lứa tuổi 14-15 tỉnh Bắc Giang

TIN TỨC - SỰ KIỆN VÀ NHÂN VẬT

70. Trần Đức Thọ

Thể thao người khuyết tật Việt Nam tích cực chuẩn bị tham dự Asean Para Games 12 và Asian Para Games 4

72. Vũ Trọng Lợi

Tiếp tục phát triển Yoga Việt Nam

77. Phạm Tuấn Dũng; Phạm Việt Hà

Bài tập nâng cao thể lực với tạ tay

80. Thẻ lệ viết và gửi bài.

THEORY AND PRACTICE OF SPORTS

4. Truong Quoc Uyen

The movement of the whole people to exercise their bodies following the example of the great Uncle Ho contributed positively to improving the quality of Vietnam's population

6. Truong Anh Tuan

Some thoughts on human resource training in sport

11. Nhat Minh

Bac Ninh Sports University focuses on improving the capacity of lecturers and managers to meet the requirements of fundamental and comprehensive renovation of education and training in the period of 2019 - 2030

ARTICLES

13. Nguyen Van Phuc

Current status of legal risks in sport activities in Vietnam

19. Bui Viet Ha

Experience in mobilizing financial resources of professional football clubs in the world and lessons for Vietnamese professional football

23. Nguyen Ba Hoa

Selection of adaptive sports application solutions for people with disabilities in Hanoi City

26. Dao Thi Phuong Chi

Effectiveness of the model of physical education according to the needs of learners at Hanoi Capital University

31. Tran Van Tung

Actual situation of extracurricular sports activities of students at Hanoi Capital University

37. Bounnuang Kamphengthong

Current status of needs, motivations and reasons for participating in sports practice of high school students in Vientiane Capital - Laos

41. Ngo Manh Cuong

Measures to improve the effectiveness of teaching and learning Physical Education for students University of Information and Communication Technology - Thai Nguyen University

46. Nguyen Hai Tung

Assessment of the general physical condition of male students at Hanoi Law University

49. Hoang Sy Trung

Current status of interest in learning complementary knowledge modules in the training program of students majoring in Physical Education, Hong Duc University

52. Mai Thi Bich Ngoc; Nguyen Thi Thu Hien; Le Duc Anh

Determination of soft skills assessment criteria for students of Bac Ninh University of Physical Education and Sports

57. Pham The Vuong; Nguyen Tat Tuan

Actual situation of factors affecting the quality of online teaching for students majoring in Volleyball, Bac Ninh Sports University

63. Nguyen Thi Ha; Dao Thi Hoa Quynh

Current status of students' motivation to study physical education at Thai Nguyen University

66. Nguyen Thi Thao Mai, Nguyen Dinh Chung

Current status of speed strength training for male Badminton players aged 14-15 in Bac Giang province

NEWS - EVENTS AND PEOPLE

70. Tran Duc Tho

Sports for people with disabilities in Vietnam actively prepares to participate in Asean Para Games 12 and Asian Para Games 4

72. Vu Trong Loi

Continue to develop Vietnamese Yoga

77. Pham Tuan Dung; Pham Viet Ha

Strength training with dumbbells

80. Rules of writing and posting.



Tạp chí KHOA HỌC

ĐÀO TẠO VÀ HUẤN LUYỆN THỂ THAO

JOURNAL OF SCIENTIFIC TRAINING AND SPORTS COACHING

Ministry of Culture, Sports and Tourism - Bac Ninh Sport University

Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh - Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch

ISSN 1859-4417

**Số 2 -2023
(75)**

